UBND TỈNH ĐỒNG NAI **SỞ TƯ PHÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2267 /STP-XDPBPL V/v hướng dẫn một số nội dung về đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	*Đồng Nai, ngày 05 tháng 07 năm 2023*

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa

Thực hiện Văn bản số 2609/BTP-PBGDPL ngày 23/6/2023 của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn một số nội dung về đánh giá, công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; Sở Tư pháp hướng dẫn một số nội dung về đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) đạt chuẩn tiếp cận pháp luật như sau:

1. Điều kiện công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật quy định tại khoản 3 Điều 4 Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg

Trường hợp thời điểm cán bộ, công chức thực hiện hành vi vi phạm pháp luật và thời điểm có quyết định kỷ luật, bị truy cứu trách nhiệm hình sự không cùng một năm thì xét điều kiện công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật như sau:

- Đối với trường hợp cán bộ, công chức là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền cấp xã bị xử lý kỷ luật hành chính do vi phạm pháp luật trong thi hành công vụ: Xét điều kiện công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật đối với năm cán bộ, công chức thực hiện hành vi vi phạm.

- Đối với trường hợp cán bộ, công chức là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền cấp xã bị truy cứu trách nhiệm hình sự do vi phạm pháp luật trong thi hành công vụ: Xét điều kiện công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật đối với năm có Quyết định khởi tố bị can đối với cán bộ, công chức của cơ quan có thẩm quyền có hiệu lực pháp luật.

2. Điểm số chỉ tiêu, tiêu chí

a) Chỉ tiêu 3 tiêu chí 3 về danh sách thống kê người thuộc diện trợ giúp pháp lý

Đối với chỉ tiêu này chỉ thống kê danh sách người thuộc diện trợ giúp pháp lý theo quy định tại Điều 7 Luật Trợ giúp pháp lý **là người bị buộc tội, bị hại, đương sự trong các vụ việc tham gia tố tụng** mà Ủy ban nhân dân cấp xã có được thông tin theo quy định và danh sách người thuộc diện trợ giúp pháp lý trên đã được thông tin, giới thiệu đến Trung tâm Trợ giúp pháp lý để thực hiện quyền được trợ giúp pháp lý.

Khoản 12 Điều 2 Thông tư số 03/2021/TT-BTP ngày 25/5/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý; Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số hoạt động

nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý quy định:*"Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ liên quan đến công dân, Phòng Tư pháp, Uỷ ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm giải thích quyền được trợ giúp pháp lý và giới thiệu đến Trung tâm. Trường hợp người thuộc diện được trợ giúp pháp lý là người bị buộc tội, bị hại, đương sự trong các vụ việc tham gia tố tụng cư trú trên địa bàn thì Uỷ ban nhân dân cấp xã giới thiệu theo mẫu số 13 ban hành kèm theo Thông tư này".*

Trên cơ sở các Giấy giới thiệu về trợ giúp pháp luật theo mẫu số 13 nêu trên, Ủy ban nhân dân cấp xã lập danh sách thống kê người thuộc diện trợ giúp pháp lý tại Điều 7 Luật Trợ giúp pháp lý (là người bị buộc tội, bị hại, đương sự trong các vụ việc tham gia tố tụng) đã được giới thiệu đến Trung tâm Trợ giúp pháp lý phù hợp và danh sách người thuộc diện trợ giúp pháp lý nêu trên Ủy ban nhân dân cấp xã có được thông tin để có cơ sở đánh giá, chấm điểm đối với chỉ tiêu này. Sau khi tiếp nhận thông tin, giới thiệu người thuộc diện trợ giúp pháp lý nêu trên đến Trung tâm Trợ giúp pháp lý để thực hiện quyền trợ giúp pháp lý, Ủy ban nhân dân cấp xã cần thực hiện ghi chép, lập danh sách, lưu trữ thông tin theo hình thức phù hợp.

Danh sách thống kê theo quy định tại Thông tư số 09/2021/TT-BTP bao gồm họ và tên người thuộc diện trợ giúp pháp lý được giới thiệu đến Trung tâm, danh mục Giấy giới thiệu của Ủy ban nhân dân cấp xã, cụ thể như sau:

STT	**Người thuộc diện TGPL**	**Danh mục giấy giới thiệu**	**Ghi chú**
1	Nguyễn Văn A	Số:…/GGT ngày…/…./….	
2	….		

b) Chỉ tiêu 2, chỉ tiêu 3 tiêu chí 4 về các nội dung Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp; Nhân dân bàn, biểu quyết

Căn cứ Điều 15, Điều 21 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2023), các nội dung quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 6 Điều 15 có phạm vi thực hiện trong thôn, tổ dân phố được xác định là các nội dung Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp. Các nội dung quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 15 có phạm vi thực hiện trong địa bàn cấp xã và khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 15 được xác định là các nội dung Nhân dân bàn, biểu quyết.

3. Báo cáo kết quả đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

Theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 09/2021/TT-BTP, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật tại địa phương về Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trước ngày 15/02 của năm liền kề sau năm đánh giá để tổng hợp, báo cáo Bộ Tư pháp.

Qua theo dõi, Sở Tư pháp nhận thấy việc thực hiện chế độ báo cáo của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố vẫn chưa đảm bảo về thời gian, số liệu báo cáo cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật còn chưa thống nhất (*giữa Bản tổng hợp thông tin, số liệu thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu trên địa bàn với danh sách kèm theo Quyết định công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; giữa báo cáo đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí tiếp cận pháp luật trong bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao và báo cáo kết quả đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn)*. Vì vậy, đề nghị các địa phương chủ động rà soát, cập nhật, bảo đảm chính xác và thống nhất số liệu giữa các văn bản.

4. Về xử lý quyết định công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật không đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định tại Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 09/2021/TT-BTP

Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 09/2021/TT-BTP không quy định cụ thể về việc xử lý quyết định công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật không đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định.

Tuy nhiên, thẩm quyền ban hành quyết định công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và 01 quyết định công nhận nhiều cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Vì vậy, trong quá trình theo dõi, kiểm tra hoặc qua kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân phát hiện cấp xã đã được công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật nhưng không đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định tại Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 09/2021/TT-BTP, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Quyết định sửa đổi Quyết định công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (*không công nhận đối với cấp xã không đảm bảo điều kiện*).

5. Chế tài xử lý đối với địa phương chưa thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

Việc quy định, áp dụng chế tài xử lý cơ quan, tổ chức, cá nhân chưa thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và được thực hiện theo các quy định của pháp luật về cán bộ, công chức (đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức; thi đua, khen thưởng; xử lý kỷ luật). Vì vậy, các địa phương cần căn cứ vào từng trường hợp cụ thể để xác định chế tài xử lý phù hợp với tính chất, mức độ hành vi và các quy định của pháp luật về cán bộ, công chức. Sở Tư pháp sẽ lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật là một trong những tiêu chí đánh giá công vụ theo chức năng quản lý chuyên ngành đối với Ủy ban nhân dân cấp huyện hằng và là căn cứ để xét khen thưởng chuyên đề theo quy định.

6. Về việc sử dụng kết quả đánh giá tiếp cận pháp luật trong đánh giá, công nhận, thu hồi quyết định đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao

Nội dung này thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 3636/BNN-VPĐP ngày 06/6/2023 về việc trả lời

vướng mắc đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và đô thị văn minh trong xét, công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; cụ thể như sau:

a) Đối với trường hợp đánh giá xã nông thôn mới được tổ chức trước ngày 31/12 *(thời điểm này chưa có kết quả đánh giá xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của năm đánh giá)* nhưng việc thẩm định, xét, công nhận xã nông thôn mới được tổ chức vào đầu năm sau *(thời điểm này đã có kết quả đánh giá xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của năm đánh giá)*. Trường hợp này được xác định là tổ chức đồng thời theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 2 Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 *(sau đây gọi tắt là Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg)*. **Theo đó sử dụng kết quả đánh giá xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của năm đánh giá.**

b) Đối với trường hợp tổ chức xét, công nhận xã nông thôn mới vào cuối năm *(ví dụ vào tháng 11, tháng 12)* nghĩa là trước thời điểm tổ chức đánh giá tiêu chí xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Trường hợp này được sử dụng kết quả đánh giá xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của năm trước liền kề để xét, công nhận xã nông thôn mới. **Tuy nhiên, nếu năm trước liền kề xã không đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và muốn sử dụng kết quả đánh giá xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của năm đánh giá thì phải chờ đến đầu năm sau** *(chậm nhất là ngày 10/02 của năm sau liền kề năm đánh giá)* để đảm bảo theo đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg.

c) Đối với trường hợp tổ chức xét, công nhận xã nông thôn mới trước thời điểm tổ chức đánh giá tiêu chí xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật thì địa phương được sử dụng kết quả đánh giá xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của năm trước liền kề. **Nếu xã đã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật vào năm trước liền kề nhưng đến thời điểm tổ chức xét, công nhận xã nông thôn mới phát sinh trường hợp cán bộ, công chức là người đứng đầu bị kỷ luật do có hành vi vi phạm pháp luật trong thi hành công vụ thì cần phải dừng việc tổ chức xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới** để đảm bảo điều kiện về chuẩn tiếp cận pháp luật và giá trị, ý nghĩa thực chất của việc xét, công nhận nông thôn mới.

d) Về việc sử dụng kết quả để xét, thu hồi Quyết định công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao

Điều 21 Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg quy định việc xét, thu hồi Quyết định công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao được thực hiện sau khi đủ 24 tháng *(đối với địa phương được công nhận trước giai đoạn 2021-2025)*, đủ 30 tháng *(đối với địa phương được công nhận giai đoạn 2021-2025)* kể từ ngày Quy định này có hiệu lực *(ngày 02/8/2022)*. Trong khi việc đánh giá xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được thực hiện hàng năm.

Theo quy định tại Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg, số liệu về kết quả đánh giá mức độ không đạt chuẩn nông thôn mới, không đạt chuẩn nông thôn mới nâng

cao, không đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, không hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới để tổ chức thực hiện xét, thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới **được xác định là số liệu của năm xét, thu hồi. Theo đó đối với tiêu chí xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật kết quả sử dụng để xét, thu hồi quyết định công nhận là kết quả của năm xét, thu hồi theo nguyên tắc như khi xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao.**

7. Đối với nguồn lực, kinh phí triển khai thực hiện Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg, Thông tư số 09/2021/TT-BTP: Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27/012014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở và Nghị quyết số 23/2016/NQ-HĐND ngày 14/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân; công tác hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (trường hợp các văn bản này được thay thế thì áp dụng theo quy định tại văn bản mới), các địa phương chủ động bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp, đảm bảo việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Trên đây là hướng dẫn một số nội dung về đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; Sở Tư pháp đề nghị các địa phương triển khai thực hiện. Quá trình thực hiện, có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh về Sở Tư pháp (thông qua Phòng Xây dựng và Phổ biến, giáo dục pháp luật - bà Đồng Thị Hoa số điện thoại 0973099357) để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Cục PBGDPL - BTP (báo cáo);
- Văn phòng điều phối CTXDNTM tỉnh (để biết);
- Phòng Tư pháp các huyện, thành phố (thực hiện);
- Giám đốc, các Phó Giám đốc STP;
- Lưu: VT, XDPBPL.

(Hoa-CTCPL)

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TƯ PHÁP
TỈNH ĐỒNG NAI

Phan Quang Tuấn